|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ ĐẢM BẢO CẤU TRÚC, CÁC CÂU HỎI PHẦN ĐỌC HIỂU BÁM SÁT ĐẶC TRƯNG THỂ LOẠI TỤC NGỮ**   * **ĐỀ ĐẠT YÊU CẦU**   **NGUYỄN THỊ HUỆ-dohungkr81@gmail.com** | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II**  **NĂM HỌC 2023-2024**  **MÔN: NGỮ VĂN 7**  **(Thời gian 90 phút)** |

**I. MA TRẬN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng % điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |  |
| **1** | **Đọc hiểu** | Tục ngữ | 3 | 0 | 5 | 0 | 0 | 2 | 0 | 0 | **60** |
| **2** | **Viết** | Nghị luận về một vấn đề trong đời sống | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | **40** |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20%** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**II.BẢN ĐẶC TẢ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/ Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
|  | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Tục ngữ | **Nhận biết:**   * - Nhận biết được một số yếu tố của tục ngữ: số lượng câu, chữ, vần.   - Nhận biết được đặc điểm và chức năng của thành ngữ và tục ngữ.  - Nhận diện biện pháp tu từ nói quá, nói giảm nói tránh trong một ngữ liệu.  **Thông hiểu:**  - Hiểu được nội dung của một câu tục ngữ.  - Hiểu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  **Vận dụng:**  - Phân tích được tác dụng của biện pháp tu từ nói quá, nói giảm nói tránh trong một ngữ liệu.  - Kết nối, liên hệ bài học từ văn bản, trân trọng kho tàng tri thức của cha ông. | 3TN | 5TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | Nghị luận về một vấn đề trong đời sống | **Nhận biết:**  - Xác định được kiểu bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống.  - Sử dụng ngôi thứ nhất để bày tỏ ý kiến, quan điểm.  **Thông hiểu:**  - Nêu được ý kiến tán thành hay phản đối về một vấn đề trong đời sống.  - Đưa ra được lí lẽ rõ ràng, bằng chứng xác thực, đa dạng để làm sáng tỏ cho ý kiến.  - Xây dựng được bài văn đảm bảo bố cục 3 phần.  **Vận dụng:**  - Nêu được những bài học sâu sắc cho bản thân từ một vấn đề trong đời sống.  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống trình bày rõ vấn đề và ý kiến (tán thành hay phản đối) của người viết; đưa ra được lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng |  |  |  | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **3TN** | **5TN** | **2TL** | **1TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | **20** | **40** | **30** | **10** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

**III. ĐỀ KIỂM TRA**

**I. Đọc hiểu (6 điểm)**

**Đọc văn bản dưới đây và trả lời các câu hỏi:**

|  |
| --- |
| **Một số câu tục ngữ Việt Nam**  1. Thua thầy một vạn không bằng kém bạn một ly.  2. Một mặt người bằng mười mặt của.  3. Đi một ngày đàng, học một sàng khôn.  4. Đói cho sạch, rách cho thơm.  5. Đời người có một gang tay  Ai hay ngủ ngày còn có nửa gang.  6. Lời nói chẳng mất tiền mua  Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau.  7. Thuận vợ thuận chồng tát biển Đông cũng cạn.  8. Một giọt máu đào hơn ao nước lã.  (In trong *Tục ngữ, ca dao dân ca Việt Nam*, Vũ Ngọc Phan, NXB Văn học, 2016) |

**Câu 1: Đâu là cặp vần trong câu tục ngữ số 1?**

A. sạch- rách B. chào – cao C. vạn – bạn D. tay – ngày

**Câu 2: Cách gieo vần trong câu tục ngữ số 3 là?**

A. vần liền B. vần cách C. vần ôm D. vần chân

**Câu 3: Về hình thức, câu tục ngữ số 6 có gì khác biệt so với các câu 1, 2, 3?**

A. Câu tục ngữ số 6 gieo vần chân.

B. Câu tục ngữ số 6 không gieo vần.

C. Câu tục ngữ số 6 là câu nói ngắn gọn.

D. Câu tục ngữ số 6 có hình thức là một câu lục bát.

**Câu 4: Câu tục ngữ nào trong các câu trên có ý nghĩa khuyên chúng ta dù lâm vào hoàn cảnh khó khăn, thiếu thốn vẫn cần giữ nhân phẩm, đạo đức của mình?**

A. Lá lành đùm lá rách. B. Đói cho sạch, rách cho thơm.

C. Lời chào cao hơn mâm cỗ. D. Một giọt máu đào hơn ao nước lã.

**Câu 5: Dòng nào nói đúng nhất về nghĩa của câu tục ngữ số 3?**

A. Ra ngoài, đi đây đi đó một ngày sẽ học được một sàng trí khôn.

B. Học tập là một quá trình dài đầy gian nan giống như việc đi đường.

C. Kiến thức là vô tận mà hiểu biết của con người lại có hạn.

D. Đi đây đi đó, ra ngoài xã hội sẽ giúp chúng ta mở mang hiểu biết của bản thân.

**Câu 6: Câu tục ngữ số 2 sử dụng biện pháp tu từ nào?**

A. Nhân hoá B. Ẩn dụ C. Hoán dụ D. So sánh

**Câu 7: Biện pháp tu từ trong câu tục ngữ số 2 có tác dụng gì?**

A. Nhấn mạnh giá trị của của cải, vật chất. B. Đề cao giá trị con người.

C. Nhấn mạnh tình cảm của con người. D. Đề cao tình cảm gia đình.

**Câu 8: Ý nào nói đúng nhất về chủ đề của các câu tục ngữ trên?**

A. Các câu tục ngữ là kinh nghiệm của nhân dân ta về thiên nhiên.

B. Các câu tục ngữ là kinh nghiệm của nhân dân ta về lao động sản xuất.

C. Các câu tục ngữ là kinh nghiệm của nhân dân ta về thời tiết.

D. Các câu tục ngữ là kinh nghiệm của nhân dân ta về con người và xã hội.

**Câu 9: Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu tục ngữ số 7 “***Thuận vợ thuận chồng tát biển Đông cũng cạn.”*

**Câu 10: Em hiểu ý nghĩa của câu tục ngữ “Lời chào cao hơn mâm cỗ” như thế nào? Từ đó, em thấy mình cần làm gì để có cách ứng xử lịch sự với mọi người xung quanh?**

**II. Viết (4 điểm)**

Hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 400 chữ) bày tỏ ý kiến của em về một vấn đề trong đời sống mà em quan tâm.

**HƯỚNG DẪN CHẤM:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I.**  **ĐỌC HIỂU** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
| **1** | **C** | 0,5 |
| **2** | C | 0,5 |
| **3** | D | 0,5 |
| **4** | B | 0,5 |
| **5** | D | 0,5 |
| **6** | D | 0,5 |
| **7** | B | 0,5 |
| **8** | D | 0,5 |
| **9** | *Nội dung cần chỉ ra được:*  - Biện pháp tu từ được sử dụng trong câu tục ngữ số 7 ở văn bản trên là biện pháp nói quá.  - Tác dụng:  + Nhấn mạnh vai trò, sức mạnh của sự đồng lòng, hòa thuận vợ chồng trong việc cùng nhau vượt qua khó khăn, sóng gió.  + Tạo ấn tượng với người đọc và tăng sức gợi hình, gợi cảm cho câu tục ngữ. | 0,5  0,5 |
| **10** | HS có thể trả lời theo nhiều cách, song đảm bảo 2 ý cơ bản:  - Nhờ cách nói so sánh “lời chào” cao hơn “mâm cỗ”, câu tục ngữ là kinh nghiệm của ông cha ta về nguyên tắc ứng xử coi trọng lời chào, coi trọng thái độ ứng xử giữa con người với nhau hơn cả mâm cao, cỗ đầy.  - Qua câu tục ngữ rút ra bài học ứng xử:  + Thân thiện, hòa đồng, tôn trọng mọi người khi giao tiếp.  + Giữ phép lịch sự với mọi người, nhất là với bề trên.  + …  (HS rút ra bài học ứng xử khác mà hợp lí vẫn chấm điểm) | 1,0 |
| **II.**  **VIẾT** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận:*  Mở bài: giới thiệu được vấn đề bàn luận. Nêu được ý kiến tán thành hay phản đối về vấn đề cần bàn luận,  Thân bài: Đưa ra lí lẽ và bằng chứng thuyết phục, đa dạng để làm rõ ý kiến.  Kết bài: khẳng định lại ý kiến của mình, đề xuất giải pháp và bài học nhận thức, | **0,5** |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  Hãy viết bài văn nghị luận (khoảng 400 chữ) về một vấn đề trong đời sống mà em quan tâm.  (HS lựa chọn vấn đề trong đời sống mà em quan tâm để bày tỏ ý kiến). | **0,5** |
|  | *c. Đưa ra được ít nhất 2 lí lẽ thuyết phục, chặt chẽ, bằng chứng đa dạng, sắp xếp lí lẽ, bằng chứng theo trình tự hợp lí.*  HS có thể đưa ra các ý kiến khác nhau về vấn đề nghị luận mình quan tâm; nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: | **2,0** |
|  | * Sử dụng ngôi chia sẻ: ngôi thứ nhất * Mở bài:   + Giới thiệu vấn đề đời sống mà em quan tâm.  + Nêu được ý kiến tán thành bay phản đối về vấn đề bàn luận.   * Thân bài:   + Giải thích được từ ngữ quan trọng và ý nghĩa của câu tục ngữ đó (nếu có)  + Nêu được bằng chứng đa dạng (ít nhất 2 loại bằng chứng), thuyết phục, để làm rõ cho lí lẽ.  + Sắp xếp các lí lẽ, bằng chứng theo trình tự hợp lí.  + Lật lại vấn đề, bổ sung ý kiến để cách nhìn về vấn đề thêm toàn diện.   * Kết bài:   + Khẳng định lại ý kiến của mình.  + Đề xuất giải pháp (nếu có), nêu bài học nhận thức và phương hướng hành động. |  |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.  Tránh sử dụng văn nói (dùng nhiều các từ *thì, mà, là*…)  Tránh lặp từ trong đoạn văn | **0,5** |
|  | *e. Sáng* tạo: Người viết đưa ra được những lí lẽ sắc bén, linh hoạt, cách đưa bằng chứng từ các loại bằng chứng khác nhau, bằng chứng mang tính thời sự; có cách diễn đạt mới mẻ, khơi gợi sự đồng cảm của người đọc với ý kiến của mình. | **0,5** |